

Số: 2414/KLTT-ĐCKS

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2013

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc chấp hành pháp luật về khoáng sản trong hoạt động khai thác than tại Công ty cổ phần than Đèo Nai-Vinacomin

Căn cứ quy định tại các điều 55 và 56 Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Xét Báo cáo kết quả thanh tra việc chấp hành pháp luật khoáng sản đối với Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam của Đoàn thanh tra theo Quyết định số 160/QĐ-ĐCKS ngày 02 tháng 5 năm 2013 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản;

Tổng cục Địa chất và Khoáng sản kết luận như sau:

I. Chấp hành quy định pháp luật về khoáng sản

1. Kết quả thực hiện

Công ty cổ phần than Đèo Nai-TKV được đổi tên thành Công ty cổ phần than Đèo Nai-Vinacomin theo Quyết định số 1264/QĐ-HĐQT ngày 26 tháng 4 năm 2011 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần than Đèo Nai-TKV. Công ty có Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 5700101299 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 11 tháng 5 năm 2011, trong đó có ngành nghề kinh doanh khai thác và thu gom than; có Giấy chứng nhận đầu tư số 22 121 000 298 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 14 tháng 6 năm 2012.

Công ty được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 2817/GP-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2008 để khai thác than bằng phương pháp lộ thiên đến mức -345 m tại các vỉa than: GI1a, GI1b, GI1c, GI2a, GI2b, GI2c, GI2d, GI3a, GI3b, GI3c, GI3d, GII1, GII2, GII3, GI2b,1a, 4a, 4c, 6b thuộc khu vực mỏ Đèo Nai, thị xã Cẩm Phả (nay là thành phố Cẩm Phả), tỉnh Quảng Ninh; diện tích khai thác 6,06 km²; trữ lượng được phép khai thác 42.500.000 tấn than; công suất khai thác 2.500.000 tấn/năm; thời hạn khai thác đến hết năm 2025.

Công ty có Biên bản xác nhận ranh giới khai thác than tại thực địa của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh và các Sở, Ban ngành, Ủy ban nhân dân thị xã, phường có liên quan thực hiện ngày 24 tháng 6 năm 2009; có Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật-Tổng dự toán đầu tư xây dựng công trình cải tạo

mở rộng mỏ than Đèo Nai số 2025/QĐ-HĐQT ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần than Đèo Nai-Vinacomin và đã nộp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản; đã lập Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản; đã lập bản vẽ hiện trạng khu vực được phép khai thác; đã bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ tại Quyết định số 348/QĐ-HĐQT ngày 9 tháng 02 năm 2012. Hàng năm, Công ty ký hợp đồng với Công ty công nghiệp hóa chất mỏ Cẩm Phả để nổ mìn làm toi đất đá (hợp đồng số 5165/HCMCP-KHSX ngày 25 tháng 12 năm 2012); có Quyết định số 850/QĐ-HĐTLKS ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản về việc phê duyệt trữ lượng than trong báo cáo tổng hợp tài liệu và tính lại trữ lượng than khu mỏ Đèo Nai-Cọc Sáu, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; có Quyết định số 1191/QĐ-BTNMT ngày 01 tháng 7 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, mở rộng mỏ than Đèo Nai, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh”; có Quyết định số 1153/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt dự án cải tạo, phục hồi môi trường dự án “Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, mở rộng mỏ than Đèo Nai thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh”. Công ty đã ký quỹ phục hồi môi trường với số tiền là 35.458.783.000 đồng theo các Giấy xác nhận số 146/GXN-QBVMT ngày 18 tháng 12 năm 2012; số 136/GXN-QBVMT ngày 22 tháng 12 năm 2012 và số 89/GXN-QBVMT ngày 07 tháng 3 năm 2013 tại quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ninh; đã thực hiện việc quan trắc giám sát môi trường định kỳ 4 lần/năm theo nội dung Báo cáo ĐTM được phê duyệt; có sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số quản lý 22.000185.T ngày 26 tháng 10 năm 2010; đã hợp đồng với doanh nghiệp có chức năng, ngành nghề kinh doanh theo quy định về việc vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại và báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh về kết quả thực hiện; có Hợp đồng thuê đất số 29/HĐTD ngày 20 tháng 2 năm 2012 ký với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh, diện tích thuê đất là $S = 97.876,5 \text{ m}^2$ để sử dụng làm văn phòng làm việc, nhà ăn, trạm xá, kho vật tư, khu khai thác than; thời hạn thuê đất tại phường Cẩm Tây là 30 năm, phường Cẩm Sơn, phường Cẩm Phú là 20 năm; Hợp đồng thuê đất số 64/HĐTD ngày 04 tháng 4 năm 2012 ký với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh, diện tích thuê đất là $S = 5.172.272,1 \text{ m}^2$ để sử dụng làm khai trường khai thác than, bãi thải, kho than, thời hạn thuê đất là 5 năm; có Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 2329/GP-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp, lượng nước khai thác, sử dụng cao nhất $1.115 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ để cấp nước phục vụ sản xuất, thời hạn khai thác là 05 năm; có Hợp đồng số 09/HĐ-NCP ngày 02 tháng 01 năm 2013 với Công ty TNHH MTV Môi trường-Vinacomin để xử lý nước thải mỏ.

Về công tác thăm dò than: Ngày 08 tháng 8 năm 2011, Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam có Quyết định số 1750/QĐ-VINACOMIN phê duyệt khối lượng - Tổng dự toán Đề án thăm dò bổ sung mỏ than Đèo Nai Công ty cổ phần Than Đèo Nai-Vinacomin với khối lượng khoan 13.095m/36 LK.

2. Các vi phạm, tồn tại

2.1. Chưa thông báo kế hoạch khai thác cho cơ quan chức năng của nhà nước theo quy định tại Giấy phép khai thác.

2.2. Ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc-Vinacomin (để thi công 12 lỗ khoan) và với Công ty TNHH MTV Địa chất mỏ-Vinacomin (để thi công 24 lỗ khoan), trong đó có 05 lỗ khoan sâu hơn chiều sâu quy định tại Giấy phép khai thác nhưng chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản cho phép; 31 lỗ khoan thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản trong phạm vi diện tích, độ sâu được phép khai thác nhưng chưa thông báo khối lượng, thời gian thăm dò cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép trước khi thực hiện.

2.3. Năm 2009, 2010 và 2011 đã khai thác vượt công suất quy định tại Giấy phép khai thác, cụ thể là năm 2009 khai thác 2.573.944 tấn (vượt 73.944 tấn); năm 2010 khai thác 2.751.393 tấn (vượt 251.393 tấn); năm 2011 khai thác 2.808.454 tấn (vượt 308.454 tấn).

2.4. Bản đồ hiện trạng khai thác lập năm 2011, 2012 chưa đầy đủ nội dung theo quy định cụ thể là: Trên bản đồ chưa thể hiện vị trí, ranh giới bãi đổ đất đá thải, hào mở vỉa, đường vận chuyển nội bộ mỏ.

2.5. Chưa thông báo bằng văn bản về trình độ chuyên môn, năng lực quản lý của Giám đốc điều hành mỏ cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác khoáng sản.

2.6. Chưa hoàn thành việc xin cấp Giấy phép xả thải vào nguồn nước theo quy định.

2.7. Chưa hoàn thành việc thuê diện tích đất đang sử dụng: Đất khai thác (phường Cẩm Đông, Cẩm Phú, Cẩm Sơn TP Cẩm Phả) 421.091 m²; đất bãi thải (phường Cẩm Đông, Cẩm Phú, Cẩm Sơn TP Cẩm Phả) 1.067.035 m²; đất khai trường và các công trình phụ trợ (phường Cẩm Phú, Cẩm Sơn TP Cẩm Phả) 812.849m²; đất phục vụ sản xuất (phường Cẩm Đông, Cẩm Sơn TP Cẩm Phả) 249.582m²; đất máng ga (phường Cẩm Sơn) 2.583 m²; đất đường Đèo Nai - Cẩm Phả (phường Cẩm Đông) 17.550m².

2.8. Chưa hoàn trả vốn của Nhà nước đã đầu tư cho công tác thăm dò than trong diện tích khu vực khai thác.

2.9. Tại khu vực thuộc cánh Đông khai trường Nam Lộ Trí đã bị sạt lở đất đá ở một số vị trí.

II. Biện pháp xử lý và yêu cầu khắc phục vi phạm

1. Đoàn thanh tra đã lập biên bản vi phạm hành chính và chuyển đến Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường để ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi: Khai thác vượt quá công suất quy định tại giấy phép khai thác; không thông báo kế hoạch khai thác cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định (Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định xử phạt hành chính số 31/QĐ-XPHC ngày 06 tháng 6 năm 2013).

2. Yêu cầu Công ty:

a) Thông báo kế hoạch khai thác cho cơ quan chức năng của nhà nước theo quy định tại Giấy phép khai thác.

b) Khai thác đúng công suất quy định tại Giấy phép khai thác.

c) Lập bản đồ hiện trạng khai thác đầy đủ nội dung theo quy định.

d) Thông báo bằng văn bản về trình độ chuyên môn, năng lực quản lý của Giám đốc điều hành mỏ cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác khoáng sản.

đ) Hoàn thành việc xin cấp Giấy phép xả thải vào nguồn nước.

e) Hoàn thành việc thuê diện tích đất đang sử dụng: Đất khai thác (phường Cẩm Đông, Cẩm Phú, Cẩm Sơn TP Cẩm Phả) 421.091 m²; đất bãi thải (phường Cẩm Đông, Cẩm Phú, Cẩm Sơn TP Cẩm Phả) 1.067.035 m²; đất khai trường và các công trình phụ trợ (phường Cẩm Phú, Cẩm Sơn TP Cẩm Phả) 812.849m²; đất phục vụ sản xuất (phường Cẩm Đông, Cẩm Sơn TP Cẩm Phả) 249.582m²; đất máng ga (phường Cẩm Sơn) 2.583 m²; đất đường Đèo Nai-Cẩm Phả (phường Cẩm Đông) 17.550m².

f) Hoàn trả vốn của Nhà nước đã đầu tư cho công tác thăm dò than trong diện tích khu vực khai thác.

g) Cải tạo các vị trí bị sạt lở đất đá tại khu vực thuộc cánh Đông khai trường Nam Lộ Trí. Để đảm bảo an toàn không được tổ chức khai thác ở những vị trí có nguy cơ bị sạt lở nhưng chưa được khắc phục.

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày ký Kết luận này, Công ty phải hoàn thành các nội dung công việc nêu trên và báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện về Tổng cục Địa chất và Khoáng sản, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản sẽ xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Thứ trưởng Chu Phạm Ngọc Hiển (đề b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Linh Ngọc
- UBND tỉnh Quảng Ninh;
- Sở TN & MT tỉnh Quảng Ninh;
- Thanh tra Bộ TN&MT;
- Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam;
- Công ty CP than Đèo Nai-Vinacomin;
- Lưu VP, KSHĐKS.

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thuấn